

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHỦ LÝ
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2023/HNGĐ-ST
Ngày 29 - 3 - 2023.
V/v “Tranh chấp kiện ly hôn,
nuôi con chung, chia tài sản
khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ – TỈNH HÀ NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Duy.

Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Chí Trung và bà Nguyễn Thị Chương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Xuân Lập - Là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 98/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2022, về tranh chấp “Kiện xin ly hôn, nuôi con chung, chia tài sản khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Văn H (tên gọi khác Nguyễn Kim H), sinh năm 1980.

* **Bị đơn:** Chị Trương Thị T, sinh năm 1981.

Cùng địa chỉ: Tổ 8, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

(Phiên tòa có mặt anh H và chị T)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn, các bản tự khai của các đương sự, các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án và trong quá trình giải quyết, xét xử thì nội dung vụ án như sau:

1. Về hôn nhân:

* *Quan điểm của anh H:* Anh và chị Trương Thị T kết hôn hoàn toàn tự nguyện có đăng ký kết hôn vào ngày 25/10/2001 tại UBND xã Y, huyện Y1, tỉnh Nam Định. Trước khi kết hôn vợ chồng có thời gian tự nguyện tìm hiểu khoảng 03 tháng. Khi cưới gia đình hai bên có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương. Sau kết

hôn, vợ chồng sống chung với gia đình anh được khoảng 06 tháng thì vợ chồng mua đất xây nhà và ra ở riêng. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do cách sống, quan điểm sống của hai bên không hợp nhau, từ đó vợ chồng hay cãi chửi nhau. Gia đình hai bên và anh em bạn bè đã phân tích hòa giải cho vợ chồng nhiều lần nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn trầm trọng kéo dài không hàn gắn được nên vợ chồng sống ly thân từ năm 2021 đến nay. Thời gian sống ly thân vợ chồng không quan tâm chăm sóc đến nhau và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn với chị Trương Thị T.

* *Quan điểm của chị T:* Về thời gian, địa điểm, điều kiện kết hôn như anh H khai là đúng. Vợ chồng chị sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do bất đồng quan điểm sống và hay cãi chửi nhau. Vợ chồng sống ly thân nhau từ năm 2021 đến nay, thời gian ly thân vợ chồng không quan tâm chăm sóc đến nhau và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh H xin ly hôn thì chị cũng nhất trí ly hôn.

2. Về con chung:

* *Anh H và chị T cùng thống nhất xác định:* Hiện nay vợ chồng có bốn con chung là cháu Nguyễn Thị Thu P (con gái), sinh ngày 14/4/2002; cháu Nguyễn Thị Phương T (con gái), sinh ngày 23/8/2008; cháu Nguyễn Ánh N (con gái), sinh ngày 11/8/2012 và cháu Nguyễn Tùng D (con trai), sinh ngày 08/10/2016. Hiện nay cháu P đã trưởng thành tự lập nên vợ chồng không yêu cầu giải quyết; cháu T và cháu N đang ở với chị T; còn cháu D đang ở với anh H. Con nuôi, con riêng: vợ chồng thống nhất không có. Hiện chị T không có thai nghén gì.

* *Quan điểm của anh H:* Ly hôn anh xin được nuôi cháu D, giao chị T nuôi cháu T và cháu A. Hàng tháng anh sẽ cấp dưỡng nuôi con cùng chị T là 1.500.000đ/01 cháu.

* *Quan điểm của chị T:* Ly hôn chị xin nuôi cả ba con chung và yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng là 3.000.000/01 cháu.

* *Quan điểm của cháu Nguyễn Thị Thu P:* Hiện nay cháu đã lập gia đình và ở riêng nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Thừa đất và các tài sản khác trên đất ở tổ 8, phường L, thành phố P là tài sản của bố mẹ, cháu không có công sức đóng góp vào tài sản trên, cháu cũng không có tài sản khác và đồ dùng gia dụng trên thừa đất này.

* *Quan điểm của cháu Nguyễn Thị Phương T và cháu Nguyễn Ánh N:* Nếu bố mẹ ly hôn thì các cháu đều có nguyện vọng xin được ở với mẹ.

* *Quan điểm của UBND phường L:* Đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn, nuôi con chung của anh H và chị T theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản:

* *Anh H và chị T cùng thống nhất xác định:* Trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng có những tài sản chung như Tòa án đã xem xét thẩm định tại chỗ và Hội đồng định giá đã định giá. Cụ thể gồm:

- Thửa đất số 468, tờ bản đồ số PL9, diện tích 395m² đất ở, tại địa chỉ: Tổ 8, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam, đã được UBND huyện K, tỉnh Hà Nam cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 855438 ngày 27/8/2012 mang tên bà Trương Thị T. Nguồn gốc thửa đất này là do hai vợ chồng tiết kiệm tiền mua.

- Tài sản trên đất gồm: 01 căn nhà mái bằng một tầng; 01 bếp mái bằng một tầng; 01 nhà kho cấp bốn đã cũ và xuống cấp; phần tường rào; sân lát vỉa xi măng; mái tôn trước nhà; 01 cây nhãn; 01 cây roi; 01 cây ổi; 01 cây măng cầu.

- Toàn bộ những tài sản trên đất này do vợ chồng xây dựng và trồng, các con chung không có công sức đóng góp gì vào việc hình thành những tài sản này.

- Tài sản đồ dùng gia dụng trong gia đình vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra vợ chồng không có tài sản chung gì khác nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Quan điểm của anh H:* Đề nghị chia đôi tài sản chung cho hai vợ chồng, anh xin sử dụng bằng hiện vật là phần đất không có nhà mái bằng, còn giao chị T sử dụng phần đất có căn nhà mái bằng, còn nhà kho cấp bốn đã cũ và xuống cấp không còn giá trị sử dụng nên không yêu cầu Tòa án phân chia, sau này phần đất chia cho ai vào phần nhà cấp bốn này thì người đó có trách nhiệm tháo dỡ.

* *Quan điểm của chị T:* Đề nghị chia những tài sản chung của vợ chồng theo quy định của pháp luật, chị xin sử dụng bằng hiện vật là phần có nhà mái bằng để tiện nuôi con.

* *Quan điểm của UBND phường L:* Vợ chồng anh H, chị T có thửa đất số 468, tờ bản đồ số PL9, diện tích 395m² đất ở, tại địa chỉ: tổ 8, phường L, thành phố P, đã được UBND huyện K, tỉnh Hà Nam cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 27/8/2012. Nguồn gốc thửa đất này là do Nhà nước cấp cho vợ chồng anh chị. Nếu anh H và chị T ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết phần tài sản chung của anh chị theo quy định của pháp luật.

* Ngày 09/01/2023, Hội đồng định giá tài sản thành phố P đã tiến hành định giá tài sản đang có tranh chấp giữa anh H và chị T, kết quả như sau:

- Thửa đất số 468, tờ bản đồ số PL9, diện tích 395m² đất ở, tại địa chỉ: Tổ 8, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam, đã được UBND huyện K, tỉnh Hà Nam cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 855438 ngày 27/8/2012 mang tên bà Trương Thị T; có giá trị: 410.800.000đ.

- Tài sản trên đất gồm:

+ 01 Căn nhà mái bằng 01 tầng bê tông cốt thép, móng đá, tường xây gạch xi, nền lát gạch hoa liên doanh, cửa gỗ, cao 4,2m, diện tích là 56,9m²; có giá trị: 156.631.000đ

+ 01 Bếp mái bằng 01 tầng bê tông cốt thép, móng gạch xi, tường xây gạch xi, công trình phụ bên trong, nền lát gạch hoa liên doanh, cửa sắt, cao 3,2m, diện tích là 16,92m²; có giá trị: 31.737.000đ.

+ 01 Nhà kho cấp bốn, mái lợp prôximăng, cao 2,6m, đã cũ và xuống cấp, có diện tích là 21,6m². Anh H và chị T cùng thống nhất xác định nhà kho này không còn giá trị và đề nghị Hội đồng định giá không định giá.

+ Tường rào phía Đông thừa đất xây gạch xi nghiêng, dài 24,8m; có giá trị: 1.833.000đ.

+ Tường rào phía Tây thừa đất xây gạch xi nghiêng, dài 17,7m; có giá trị: 1.289.000đ.

+ Sân lát vữa xi măng là 77m²; có giá trị: 9.071.000đ.

+ Mái tôn trước nhà, vì kèo sắt là 12,69m²; có giá trị: 4.886.000đ.

+ 01 cây nhãn đường kính 40cm; có giá trị: 1.000.000đ.

+ 01 cây roi đường kính 20cm; có giá trị: 155.000đ.

+ 01 cây ổi đường kính 10cm; có giá trị: 155.000đ.

+ 01 cây măng cầu đường kính 15cm; có giá trị: 150.000đ.

Tổng giá trị tài sản là: 617.707.000đ (Sáu trăm mười bảy triệu bảy trăm linh bảy nghìn đồng).

4. Về công nợ chung: Anh H và chị T cùng thống nhất xác định vợ chồng không nợ ai, không ai nợ vợ chồng nên anh chị không yêu cầu giải quyết.

5. Tại phiên tòa:

* Các đương sự có mặt đều giữ nguyên quan điểm như đã trình bày trước đó tại Tòa án. Riêng về con chung anh H và chị T cùng thống nhất thỏa thuận: Khi ly hôn, giao cháu D cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc; giao cháu T và cháu N cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc. Hàng tháng anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là cháu N cho chị T là 1.500.000đ/tháng, kể từ tháng 3/2023 cho tới khi cháu N trưởng thành đủ 18 tuổi.

* Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng; ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn như: thụ lý, giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục trong giai đoạn chuẩn bị xét xử.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn đều đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Sau khi trình bày và phân tích các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xem xét quan điểm, nguyện vọng của đương sự tại phiên tòa. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định:

Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 92, 147, 157, 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 28, 29, 33, 51, 54, 55, 57, 58, 59, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Điều 210, 213, 219 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 7 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTC ngày 06/01/2016.

Áp dụng Luật phí và lệ phí năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn H.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn Hải và chị Trương Thị Thuyên.

- Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của anh H và chị T: giao cháu D cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc; giao cháu T và cháu N cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc. Hàng tháng anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là cháu N cho chị T là 1.500.000đ/tháng, kể từ tháng 3/2023 cho tới khi cháu N trưởng thành đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung:

+ Giao anh Nguyễn Văn H được toàn quyền sử dụng một phần diện tích đất ở, tại thửa đất số 468, tờ bản đồ số PL9, diện tích 395m² đất ở, tại địa chỉ: Tổ 8, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam, đã được UBND huyện K, tỉnh Hà Nam cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 855438 ngày 27/8/2012 mang tên bà Trương Thị T và sở hữu các tài sản trên phần đất này.

+ Giao cho chị Trương Thị T được toàn quyền sử dụng một phần diện tích đất ở, tại thửa đất số 468, tờ bản đồ số PL9, diện tích 395m² đất ở, tại địa chỉ: Tổ 8, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam, đã được UBND huyện K, tỉnh Hà Nam cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 855438 ngày 27/8/2012 mang tên bà Trương Thị T và sở hữu các tài sản trên phần đất này, gồm có: Nhà mái bằng, bếp, sân, tường rào.

+ Tách một phần diện tích đất ở, tại thửa đất số 468, tờ bản đồ số PL9 để làm ngõ đi chung cho anh Nguyễn Văn H và chị Trương Thị T.

+ Chị Trương Thị T có nghĩa vụ thanh toán chênh lệch giá trị tài sản cho anh Nguyễn Văn H vì chị T được chia giá trị tài sản chung nhiều hơn anh H.

- Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí định giá tài sản và án phí dân sự sơ thẩm: Đương sự phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn chị Trương Thị T có hộ khẩu thường trú và đang sinh sống tại địa chỉ: Tổ 8, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án “Tranh chấp kiện ly hôn, nuôi con chung, chia tài sản khi ly hôn” giữa anh Nguyễn Văn H và chị Trương Thị T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

[2] Về hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn H và chị Trương Thị T hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn vào ngày ngày 25/10/2001 tại UBND xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định, nên đã thoả mãn các điều kiện, trình tự thủ tục kết hôn được Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 bảo vệ.

Sau kết hôn, vợ chồng anh H chị T đã có một thời gian dài chung sống hạnh phúc, sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do cách sống, quan điểm sống của hai bên không hợp nhau, từ đó vợ chồng hay cãi chửi nhau. Gia đình hai bên và anh em bạn bè đã phân tích hòa giải cho vợ chồng nhiều lần nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn trầm trọng kéo dài không hàn gắn được nên vợ chồng sống ly thân từ năm 2021 đến nay. Thời gian sống ly thân vợ chồng tôi không quan tâm chăm sóc đến nhau và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm. Thực tế cho thấy anh H xin ly hôn thì chị T cũng đồng ý ly hôn càng chứng tỏ anh chị không còn tình cảm với nhau nữa. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, việc thuận tình ly hôn giữa anh H và chị T là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với thực tế và pháp luật được quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên HĐXX công nhận sự thuận tình ly hôn như nguyện vọng của anh H và chị T.

[3] Về con chung: Anh H và chị T cùng thống nhất hiện nay vợ chồng có bốn con chung là cháu Nguyễn Thị Thu P (con gái), sinh ngày 14/4/2002; cháu Nguyễn Thị Phương T (con gái), sinh ngày 23/8/2008; cháu Nguyễn Ánh N (con gái), sinh ngày 11/8/2012 và cháu Nguyễn Tùng D (con trai), sinh ngày 08/10/2016. Hiện nay cháu P đã trưởng thành tự lập nên vợ chồng không yêu cầu giải quyết; cháu T và cháu N đang ở với chị T; còn cháu D đang ở với anh H.

Tại phiên tòa anh H và chị T cùng thống nhất thỏa thuận: Khi ly hôn, giao cháu D cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc; giao cháu T và cháu N cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc. Hàng tháng anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là cháu N

cho chị T là 1.500.000đ/tháng, kể từ tháng 3/2023 cho tới khi cháu N trưởng thành đủ 18 tuổi. Xét thấy sự thỏa thuận của anh H và chị T là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với thực tế và pháp luật nên cần chấp nhận.

- Con nuôi, con riêng: Vợ chồng thống nhất không có. Hiện nay chị T không có thai nghén gì.

[4] Về tài sản chung:

a. Quá trình thu thập chứng cứ cũng như tại phiên tòa, các đương sự đều thống nhất thỏa thuận, xác định tài sản chung của anh H và chị T được hình thành trong thời kỳ hôn nhân gồm có:

- Thửa đất số 468, tờ bản đồ số PL9, diện tích 395m² đất ở, tại địa chỉ: Tổ 8, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam, đã được UBND huyện K, tỉnh Hà Nam cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 855438 ngày 27/8/2012 mang tên bà Trương Thị T; có giá trị: 410.800.000đ.

- Tài sản trên đất gồm:

+ 01 Căn nhà mái bằng 01 tầng bê tông cốt thép, móng đá, tường xây gạch xi, nền lát gạch hoa liên doanh, cửa gỗ, cao 4,2m, diện tích là 56,9m²; có giá trị: 156.631.000đ

+ 01 Bếp mái bằng 01 tầng bê tông cốt thép, móng gạch xi, tường xây gạch xi, công trình phụ bên trong, nền lát gạch hoa liên doanh, cửa sắt, cao 3,2m, diện tích là 16,92m²; có giá trị: 31.737.000đ.

+ 01 Nhà kho cấp bốn, mái lợp prôximăng, cao 2,6m, đã cũ và xuống cấp, có diện tích là 21,6m². Anh H và chị T cùng thống nhất xác định nhà kho này không còn giá trị và đề nghị Hội đồng định giá không định giá.

+ Tường rào phía Đông thửa đất xây gạch xi nghiêng, dài 24,8m; có giá trị: 1.833.000đ.

+ Tường rào phía Tây thửa đất xây gạch xi nghiêng, dài 17,7m; có giá trị: 1.289.000đ.

+ Sân lát vỉa xi măng là 77m²; có giá trị: 9.071.000đ.

+ Mái tôn trước nhà, vì kèo sắt là 12,69m²; có giá trị: 4.886.000đ.

+ 01 cây nhãn đường kính 40cm; có giá trị: 1.000.000đ.

+ 01 cây roi đường kính 20cm; có giá trị: 155.000đ.

+ 01 cây ổi đường kính 10cm; có giá trị: 155.000đ.

+ 01 cây măng cầu đường kính 15cm; có giá trị: 150.000đ.

Tổng giá trị tài sản là: 617.707.000đ (Sáu trăm mười bảy triệu bảy trăm linh bảy nghìn đồng).

- Toàn bộ những tài sản trên đất này do vợ chồng xây dựng và trồng, các con chung không có công sức đóng góp gì vào việc hình thành những tài sản này.

- Tài sản đồ dùng gia dụng trong gia đình vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra vợ chồng không có tài sản chung gì khác nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét thấy những tình tiết sự kiện về tài sản như trên đã được anh H và chị T thống nhất thừa nhận nên đây là những tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

b. Xét yêu cầu chia tài sản chung bằng hiện vật là nhà và đất của anh H và chị T, HĐXX thấy rằng: Hiện nay anh H và chị T đều có nhu cầu về chỗ ở ổn định để nuôi dạy con chung, ngoài thửa đất này và những tài sản trên đất này ra thì anh H và chị T không có thửa đất và chỗ ở nào khác. Mặt khác, qua xem xét thẩm định tại chỗ thì thấy thửa đất số 468, tờ bản đồ số PL9 có diện tích đủ để chia bằng hiện vật cho anh chị được. Vì vậy, cần chia cho anh H và chị T sử dụng hiện vật là đất là phù hợp.

c. Việc phân chia tài sản chung cụ thể như sau:

* Tách 40m² đất ở tại thửa đất số 468, tờ bản đồ số PL9, diện tích 395m² đất ở để làm ngõ đi chung cho anh Nguyễn Văn H và chị Trương Thị T; có giá trị: 41.600.000đ.

- Trên phần ngõ này có những tài sản sau:

+ 01 phần nhà kho cấp bốn, mái lợp prôximăng, cao 2,6m, đã cũ và xuống cấp, không còn giá trị sử dụng.

+ Phần tường rào phía Tây dài 9,36m, có giá trị là: 689.000đ.

+ 01 cây măng cầu đường kính 15cm; có giá trị: 150.000đ.

Tổng giá trị tài sản chung được tách ra làm ngõ đi chung có giá trị là: 42.439.000đ.

* Như vậy giá trị phần tài sản chung của anh H và chị T sau khi tách ra làm ngõ đi chung, giá trị còn lại để phân chia là: 575.268.000đ. Đây là những tài sản chung được hình thành trong thời kỳ hôn nhân. Do đó anh H và chị T mỗi người được hưởng 1/2 giá trị tài sản chung là: 287.634.000đ.

* Giao anh Nguyễn Văn H được toàn quyền sử dụng và sở hữu những tài sản sau:

- Quyền sử dụng 184 m² đất ở, tại thửa đất số 468, tờ bản đồ số PL9, diện tích 395m² đất ở, tại địa chỉ: Tổ 8, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam, đã được UBND huyện K, tỉnh Hà Nam cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 855438 ngày 27/8/2012 mang tên bà Trương Thị T; có giá trị: 191.360.000đ.

- Quyền sở hữu những tài sản trên diện tích đất này gồm:

+ 01 phần nhà kho cấp bốn, mái lợp prôximăng, cao 2,6m, đã cũ và xuống cấp.

+ Tường rào phía Đông thửa đất xây gạch xỉ nghiêng, dài 11,21m; có giá trị: 828.000đ.

+ Tường rào phía Tây thửa đất xây gạch xỉ nghiêng, dài 8,34m; có giá trị: 600.000đ.

+ 01 cây nhãn đường kính 40cm; có giá trị: 1.000.000đ.

+ 01 cây roi đường kính 20cm; có giá trị: 155.000đ.

+ 01 cây ổi đường kính 10cm; có giá trị: 155.000đ.

Tổng giá trị tài sản mà anh Hải được phân chia là: 194.098.000đ.

* Giao chị Trương Thị T được quyền sở hữu, sử dụng những tài sản sau:

- Quyền sử dụng 171m² đất ở, tại thửa đất số 468, tờ bản đồ số PL9, diện tích 395m² đất ở, tại địa chỉ: Tổ 8, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam, đã được UBND huyện K, tỉnh Hà Nam cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 855438 ngày 27/8/2012 mang tên bà Trương Thị T, có giá trị: 177.840.000đ.

- Quyền sở hữu những tài sản trên diện tích đất này gồm:

+ 01 Căn nhà mái bằng 01 tầng bê tông cốt thép, móng đá, tường xây gạch xi, nền lát gạch hoa liên doanh, cửa gỗ, cao 4,2m, diện tích là 56,9m²; có giá trị: 156.631.000đ

+ 01 Bếp mái bằng 01 tầng bê tông cốt thép, móng gạch xi, tường xây gạch xi, công trình phụ bên trong, nền lát gạch hoa liên doanh, cửa sắt, cao 3,2m, diện tích là 16,92m²; có giá trị: 31.737.000đ.

+ 01 phần nhà kho cấp bốn, mái lợp prôximăng, cao 2,6m, đã cũ và xuống cấp.

+ Tường rào phía Đông thửa đất xây gạch xi nghiêng, dài 13,59m; có giá trị: 1.005.000đ.

+ Sân lát vỉa xi măng là 77m²; có giá trị: 9.071.000đ.

+ Mái tôn trước nhà, vì kèo sắt là 12,69m²; có giá trị: 4.886.000đ.

Tổng giá trị tài sản mà chị T được chia là: 381.170.000đ

* Vị trí, mốc giới, tứ cận thửa đất tách làm ngõ đi chung và phân chia cho anh H, chị T có sơ đồ kèm theo bản án.

d. Tổng giá trị tài sản chung chị T được chia là 381.170.000đ. Đối trừ chênh lệch giá trị tài sản mà chị T được hưởng là 287.634.000đ, chị T có nghĩa vụ thanh toán trả chênh lệch giá trị tài sản cho anh H là: 93.536.000đ.

[5] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Tổng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản hết 6.000.000đ. Toàn bộ chi phí này do anh Nguyễn Văn H đã nộp toàn bộ. Căn cứ khoản 2 Điều 157 và khoản 2 Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự thì anh H và chị T mỗi người phải chịu 3.000.000đ. Vì số tiền trên do anh H đã nộp tạm ứng toàn bộ nên chị T phải trả lại cho anh H là: 3.000.000đ

[6] Về án phí:

- Án phí ly hôn sơ thẩm: Anh H và chị T, mỗi người phải nộp 75.000đ.

- Án phí cấp dưỡng nuôi con chung: Anh H phải chịu 300.000đ.

- Án phí chia tài sản: Anh H và chị T, mỗi người phải nộp: 14.381.700đ.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự thực hiện theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 92, 147, 156, 165, 271, 273, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng các Điều 28, 29, 33, 51, 54, 55, 57, 58, 59, 62, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điều 207, 210, 213, 219 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn H (tên gọi khác: Nguyễn Kim H) và chị Trương Thị T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của anh Nguyễn Văn H và chị Trương Thị T về con chung như sau:

- Giao anh Nguyễn Văn H được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung của vợ chồng là cháu Nguyễn Tùng D (con trai), sinh ngày 08/10/2016, cho đến khi cháu D trưởng thành đủ 18 tuổi;

- Giao chị Trương Thị T được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai con chung của vợ chồng là cháu Nguyễn Thị Phương T (con gái), sinh ngày 23/8/2008 và cháu Nguyễn Ánh N (con gái), sinh ngày 11/8/2012, cho đến khi cháu Thảo và cháu Ngọc trưởng thành đủ 18 tuổi.

- Hàng tháng anh Nguyễn Văn H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Ánh N cùng chị Trương Thị T là 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng), kể từ tháng 3/2023 cho đến khi cháu N trưởng thành đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về con nuôi, con riêng: Vợ chồng thống nhất không có. Hiện chị T không có thai nghén gì.

3. Về tài sản:

3.1. Tách 40m² đất ở tại thửa đất số 468, tờ bản đồ số PL9, diện tích 395m² đất ở để làm ngõ đi chung cho anh Nguyễn Văn H và chị Trương Thị T; có giá trị: 41.600.000đ. Tứ cận phần ngõ đi chung như sau:

- + Phía Đông phần đất chia cho chị Thuyên, dài 13,25m.

- + Phía Tây giáp rãnh thoát nước, dài 12,99m.

- + Phía Nam giáp phần đất chia cho anh Hải, dài 3m.

- + Phía Bắc giáp đường và thửa đất 675, dài 3,02m.

- Tài sản trên phần đất ngõ này gồm:

- + 01 phần nhà kho cấp bốn, mái lợp prôximăng, cao 2,6m, đã cũ và xuống cấp, không còn giá trị sử dụng.

- + Phần tường rào phía Tây dài 9,36m, có giá trị là: 689.000đ.

- + 01 cây măng cầu đường kính 15cm; có giá trị: 150.000đ.

Tổng giá trị tài sản chung được tách ra làm ngõ đi chung có giá trị là: 42.439.000đ.

3.2. Giao cho anh Nguyễn Văn H được toàn quyền sử dụng và sở hữu những tài sản sau:

- Quyền sử dụng 184 m² đất ở, tại thửa đất số 468, tờ bản đồ số PL9, diện tích 395m² đất ở, tại địa chỉ: Tổ 8, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam, đã được UBND huyện K, tỉnh Hà Nam cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 855438 ngày 27/8/2012 mang tên bà Trương Thị T; có giá trị: 191.360.000đ. Tứ cận phần đất như sau:

- + Phía Đông giáp thửa đất 466, dài 11,21m.
- + Phía Tây giáp rãnh nước, dài 11,33m.
- + Phía Nam giáp thửa đất 519, dài 16,85m.
- + Phía Bắc giáp phần đất ngõ đi chung và phần đất chia cho chị T, dài 13,19m.

- Quyền sở hữu những tài sản trên diện tích đất này gồm:

- + 01 phần nhà kho cấp bốn, mái lợp prôximăng, cao 2,6m, đã cũ và xuống cấp.
- + Tường rào phía Đông thửa đất xây gạch xi nghiêng, dài 11,21m; có giá trị: 828.000đ.

- + Tường rào phía Tây thửa đất xây gạch xi nghiêng, dài 8,34m; có giá trị: 600.000đ.

- + 01 cây nhãn đường kính 40cm; có giá trị: 1.000.000đ.

- + 01 cây roi đường kính 20cm; có giá trị: 155.000đ.

- + 01 cây ổi đường kính 10cm; có giá trị: 155.000đ.

Tổng giá trị tài sản mà anh H được phân chia là: 194.098.000đ.

- Vị trí, mốc giới, tứ cận thửa đất phân chia cho anh Nguyễn Văn H có sơ đồ phân chia thửa đất kèm theo bản án.

3.3. Giao cho chị Trương Thị T được quyền sở hữu, sử dụng những tài sản sau:

- Quyền sử dụng 171m² đất ở, tại thửa đất số 468, tờ bản đồ số PL9, diện tích 395m² đất ở, tại địa chỉ: Tổ 8, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam, đã được UBND huyện Kim B, tỉnh Hà Nam cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 855438 ngày 27/8/2012 mang tên bà Trương Thị T; có giá trị: 177.840.000đ. Tứ cận phần đất như sau:

- + Phía Đông giáp thửa đất 466, dài 13,63m.
- + Phía Tây giáp phần đất ngõ đi chung, dài 13,25m.
- + Phía Nam giáp phần đất chia cho anh H, dài 13,19m.
- + Phía Bắc giáp các thửa đất 675, 467 và 568, dài 12,35m.

- Quyền sở hữu những tài sản trên diện tích đất này gồm:

- + 01 Căn nhà mái bằng 01 tầng bê tông cốt thép, móng đá, tường xây gạch xi, nền lát gạch hoa liên doanh, cửa gỗ, cao 4,2m, diện tích là 56,9m²; có giá trị: 156.631.000đ
- + 01 Bếp mái bằng 01 tầng bê tông cốt thép, móng gạch xi, tường xây gạch xi, công trình phụ bên trong, nền lát gạch hoa liên doanh, cửa sắt, cao 3,2m, diện tích là 16,92m²; có giá trị: 31.737.000đ.

- + 01 phần nhà kho cấp bốn, mái lợp prôximăng, cao 2,6m, đã cũ và xuống cấp.

- + Tường rào phía Đông thửa đất xây gạch xi nghiêng, dài 13,59m; có giá trị: 1.005.000đ.

+ Sân lát vỉa xi măng là 77m²; có giá trị: 9.071.000đ.

+ Mái tôn trước nhà, vì kèo sắt là 12,69m²; có giá trị: 4.886.000đ.

Tổng giá trị tài sản mà chị T được chia là: 381.170.000đ

- Vị trí, mốc giới, tứ cận thửa đất phân chia cho chị Trương Thị T có sơ đồ phân chia thửa đất kèm theo bản án.

3.4. Chị T có nghĩa vụ thanh toán trả chênh lệch giá trị tài sản cho anh H là: 93.536.000đ (Chín mươi ba triệu năm trăm ba mươi sáu nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành đối với khoản tiền trên, nếu bên phải thi hành chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

4. Về công nợ chung: Anh H và chị T thống nhất không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

5. Bác các yêu cầu, đề nghị khác của các đương sự.

6. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Tổng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là: 6.000.000đ (Toàn bộ chi phí này do anh Nguyễn Văn H đã nộp toàn bộ). Anh H và chị T mỗi người phải chịu 3.000.000đ (ba triệu đồng). Nay chị T phải trả lại cho anh H là: 3.000.000đ (ba triệu đồng).

7. Về án phí:

- Án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn H và chị Trương Thị T, mỗi người phải nộp 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng).

- Án phí cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Nguyễn Văn H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

- Án phí chia tài sản: Anh H và chị T, mỗi người phải nộp: 14.381.700đ (Mười bốn triệu ba trăm tám mươi một nghìn bảy trăm đồng).

Anh H được đối trừ với số tiền 5.300.000đ (Năm triệu ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2021/0000445 ngày 12/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Hà Nam. Anh H phải nộp tiếp là: 9.456.700đ. (Chín triệu bốn trăm năm mươi sáu nghìn bảy trăm đồng).

8. Về quyền kháng cáo bản án: Anh H và chị T có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND thành phố Phủ Lý;
- CQ THADS thành phố Phủ Lý;
- Các đương sự;
- UBND xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Phạm Duy

